

Số: 04/2020/QĐST-KDTM

Thủy Nguyên, ngày 10 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2019/TLST- KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T; Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà Sailling Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ; chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh Nga S năm 1991; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng T Việt Nam; (Văn bản ủy quyền số 10235.19 ngày 31/5/2019).

Bị đơn: Anh Lê Văn D Sinh năm 1982 và chị Phạm Thị S Sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị S: Anh Lê Văn D S năm 1982; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Tô Thị Châm Sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị Châm: Anh Lê Văn D Sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số dư nợ: Anh Lê Văn D và Chị Phạm Thị S phải thanh toán trả Ngân hàng T Việt Nam số tiền tính đến hết ngày 02/3/2020 là **1.403.526.307 đồng (trong**

đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 39.911.334 đồng, nợ lãi quá hạn: 863.614.973 đồng).

Về phương án trả nợ:

Từ tháng 04 năm 2020 đến ngày 31 tháng 8 năm 2020, hàng tháng Anh Lê Văn D và chị Phạm Thị S phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc tối thiểu là 3.000.000 đồng; Thời gian trả nợ chậm nhất là vào ngày 20 (đương lịch) hàng tháng.

Chậm nhất đến ngày 30 tháng 9 năm 2020, anh Lê Văn D và chị Phạm Thị S phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và nợ lãi quá hạn còn lại cho ngân hàng.

Anh Lê Văn D và chị Phạm Thị S vẫn phải tiếp tục chịu khoản lãi phát S trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 03/3/2020 cho đến khi anh D, chị S trả hết toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng T Việt Nam.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Nếu Anh Lê Văn D và chị Phạm Thị S vi phạm bất kì một nghĩa vụ trả nợ hoặc cam kết nào theo phương án trả nợ đã nêu trên thì Ngân hàng T Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 72m² tại thửa đất số 540a, tờ bản đồ số 03, tại xã T, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 079821, do Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp ngày 08/03/2006 cấp cho hộ bà Tô Thị Châm.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp nêu trên không đủ để trả nợ, thì anh Lê Văn D và chị Phạm Thị S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T Việt Nam cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam.

- Về án phí: Anh Lê Văn D và chị Phạm Thị S nhận nộp cả 27.053.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng T Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 25.600.000 đồng theo Biên lai số 0003303 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhã